

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/DS-ST
Ngày 24-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năm.

Bà Lê Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bổng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2019/TLST - DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2019/QĐXXST – DS ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Hồng T, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm S, thị trấn TV, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

Chị Lâm Kiều N, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Anh Hồng Kỳ M (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm X, thị trấn TV, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 26/3/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Hồng T trình bày: Chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Lâm Kiều N, anh Hồng Kỳ M trả lại 52.000.000 đồng tiền hụi do chị làm đầu thảo, các dây sau:

Hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 03/3/2015 gồm 30 chân, chị N chơi 02 chân đã hót và còn nợ 08 lần hụi chết bằng 16.000.000 đồng.

Hụi tuần 100.000 đồng mở ngày 15/01/2015âi gồm 150 chân, chị N chơi 04 chân đã hót và còn nợ 25 lần hụi chết bằng 10.000.000 đồng.

Hụi tháng 2.000.000 đồng mở ngày 15/02/2016âi gồm 26 chân, chị N chơi 01 chân đã hót và còn nợ 14 lần hụi chết bằng 28.000.000 đồng.

Khi vợ chồng chị N bề nợ đi Bình Dương làm ăn thì hứa hẹn hàng tháng trả cho chị 2.500.000 đồng nhưng cũng không thực hiện. Khi về thì thỏa thuận trả cho chị hàng tháng 1.000.000 đồng, chị lấy chơi giùm 01 chân hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/02/2017âi do chị làm đầu thảo, chị N góp được 04 lần bằng 2.190.000 đồng thì cũng ngưng 11 tháng nay không tham gia tiếp nên chị cho ra hụi. Nay chị đồng ý đối trừ 04 lần góp hụi bằng 4.000.000 đồng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 08/5/2019 bị đơn chị Lâm Kiều N trình bày: Vợ chồng chị có tham gia chơi các dây hụi trên do chị T làm chủ đầu thảo, chị đã hót và nợ lại tổng số tiền hụi chết 52.000.000 đồng theo chị T trình bày là đúng. Trong quá trình tham gia hụi, vợ chồng chị mất khả năng đóng hụi chết cho chị T nên đi nơi khác làm ăn và thỏa thuận hàng tháng gửi 2.000.000đồng cho chị T nhưng không thực hiện được. Sau đó, về lại địa phương thì chị T cho chơi tiếp 01 chân hụi 1.000.000 đồng để trả nợ, chị đóng được 04 lần bằng 2.190.000 đồng thì ngưng nên chị T cho ra hụi và kiện ra Tòa. Nay hoàn cảnh chị khó khăn nên không có khả năng trả nợ cho chị T, chị xin trả dần theo khả năng của chị và yêu cầu đối trừ chân hụi ngưng tham gia mà chị đã góp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét việc vắng mặt của anh M và chị N được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M và chị N là đúng quy định pháp luật.

[2] Thấy rằng, chị T làm chủ đầu thảo mở dây hụi tháng 1.000.000 đồng ngày 03/3/2015âi gồm 30 chân, chị N chơi 02 chân đã hót và còn nợ 08 lần hụi chết bằng 16.000.000 đồng; Hụi tuần 100.000 đồng mở ngày 15/01/2015âi gồm 150 chân, chị N chơi 04 chân đã hót và còn nợ 25 lần hụi chết bằng 10.000.000 đồng và hụi tháng 2.000.000 đồng mở ngày 15/02/2016âi gồm 26 chân, chị N chơi 01 chân đã hót và còn nợ 14 lần hụi chết bằng 28.000.000 đồng. Sau khi mãn các dây hụi, chị N nợ lại chị T 52.000.000 đồng là thực tế có xảy ra, được chị T và chị N thừa nhận. Như vậy, sau khi kết thúc hợp đồng hụi, chị T là người bảo lãnh đã thực hiện thay nghĩa vụ cho chị N góp đến mãn các dây hụi với tổng số tiền 52.000.000 đồng; chị N đã vi phạm hợp đồng nên chị T khởi kiện đòi lại số tiền nợ hụi 52.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T và chị N thỏa thuận đối trừ 4.000.000đồng tiền chị N góp cho chị T, tổng số tiền chị T yêu cầu trả còn lại bằng 48.000.000đồng là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

[3] Mặc dù, quá trình giải quyết vụ án anh M không có ý kiến đối với nội dung chị T khởi kiện nhưng chị N tham gia chơi hụi do chị T làm chủ đầu thảo, anh M biết và đồng ý cho chị N tham gia, mục đích chị N tham gia hụi để kinh doanh, sinh hoạt chung trong gia đình. Ngoài ra, mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh M vẫn bình thường, đang tồn tại, kinh tế vẫn sử dụng chung trong gia đình. Việc chị N tham gia chơi hụi trong thời kỳ hôn nhân của anh M và chị N, nên tài sản tạo ra thu nhập trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung thì nợ trong thời kỳ hôn nhân cũng là nợ chung. Do đó, anh M là chồng chị N thì phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị T là có căn cứ.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật số tiền 2.400.000 đồng (48.000.000đ x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T. Buộc chị Lâm Kiều N và anh Hồng Kỳ M phải hoàn trả lại cho chị Trần Hồng T 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng) tiền nợ hụi.

2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người bị thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm chị Lâm Kiều N và anh Hồng Kỳ M phải chịu 2.400.000 đồng. Hoàn trả lại cho chị T số tiền dự nộp 1.300.000 đồng tại biên lai số 0002966 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên